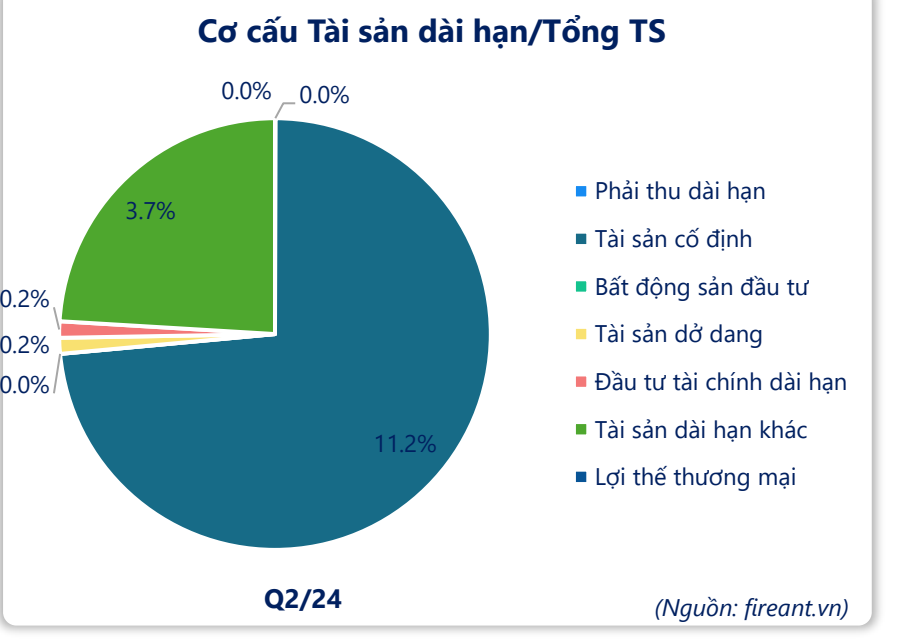
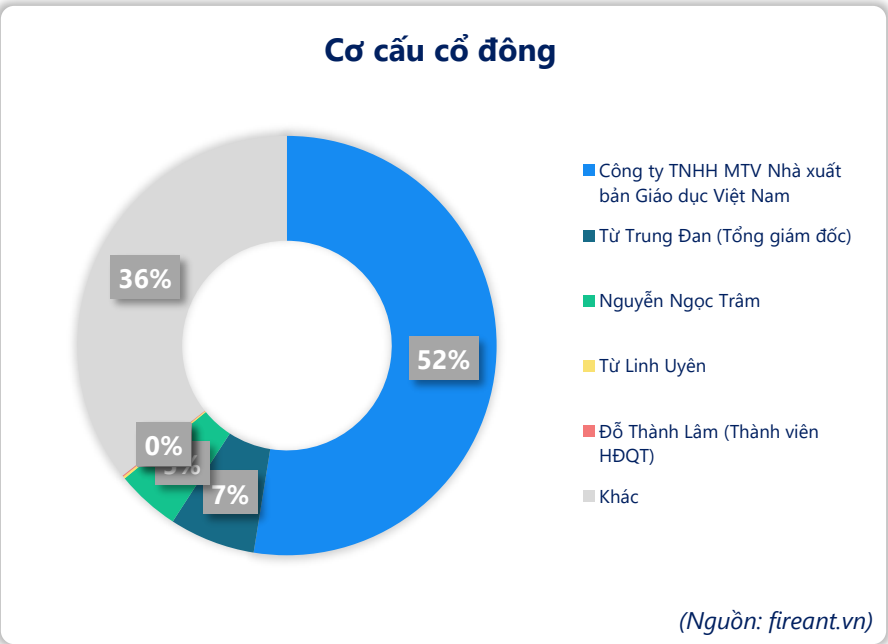
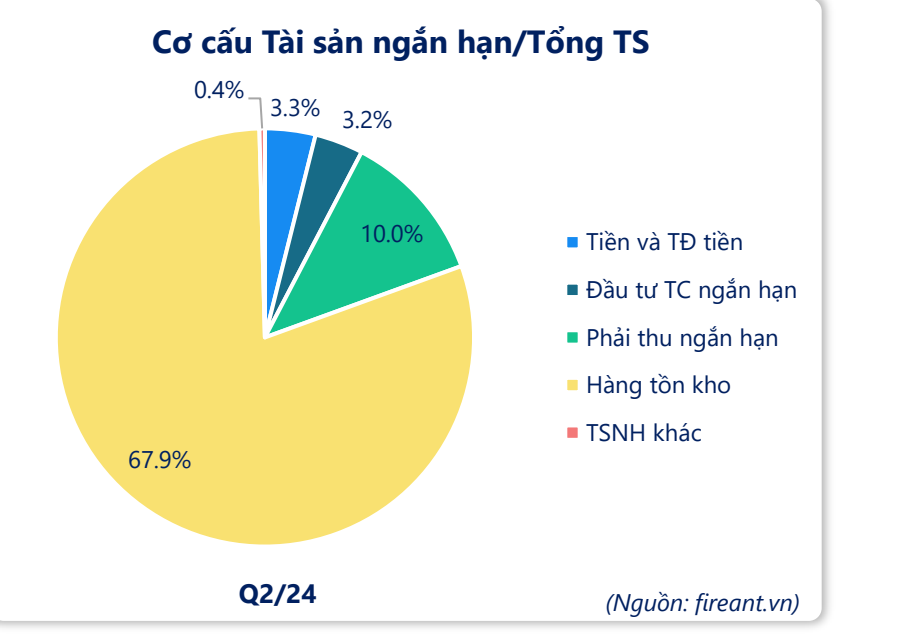
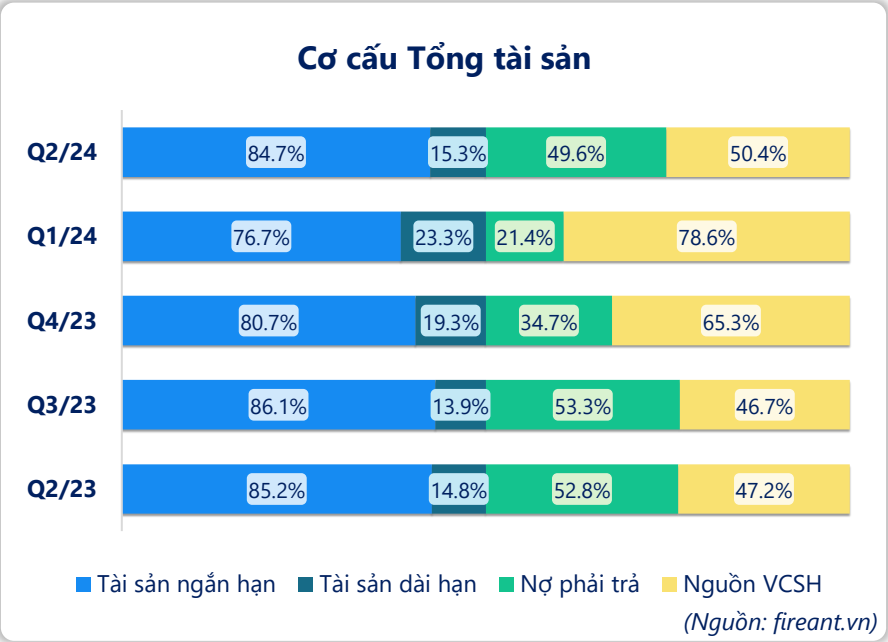
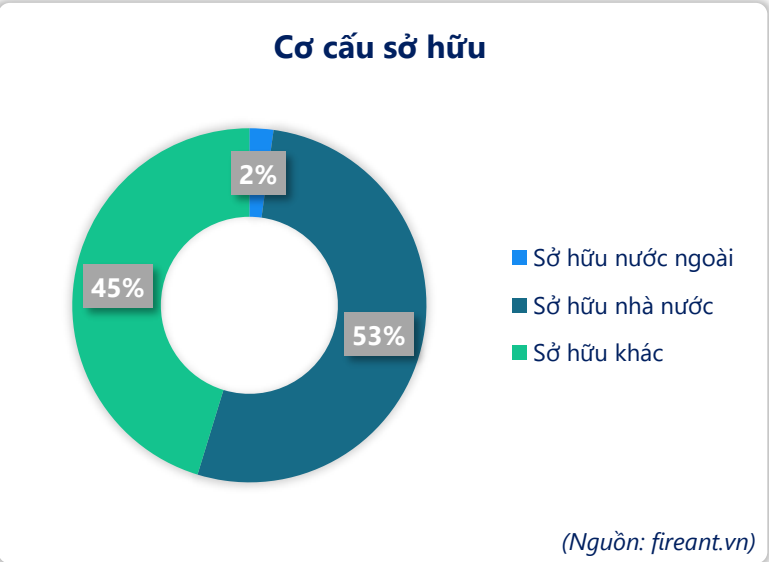
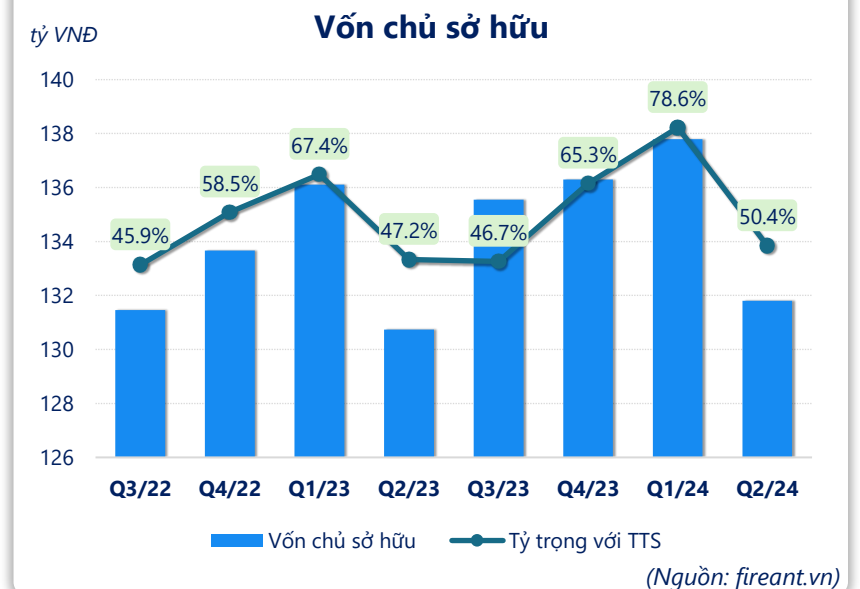
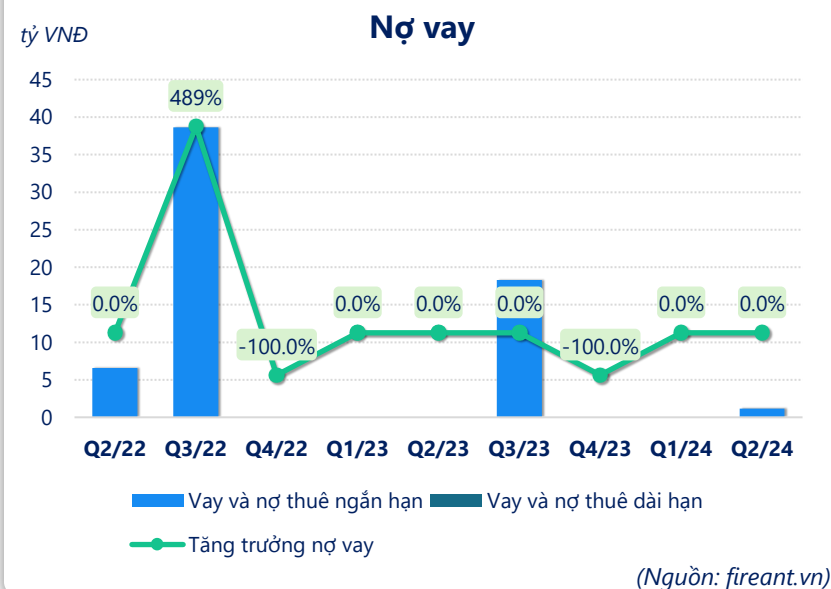
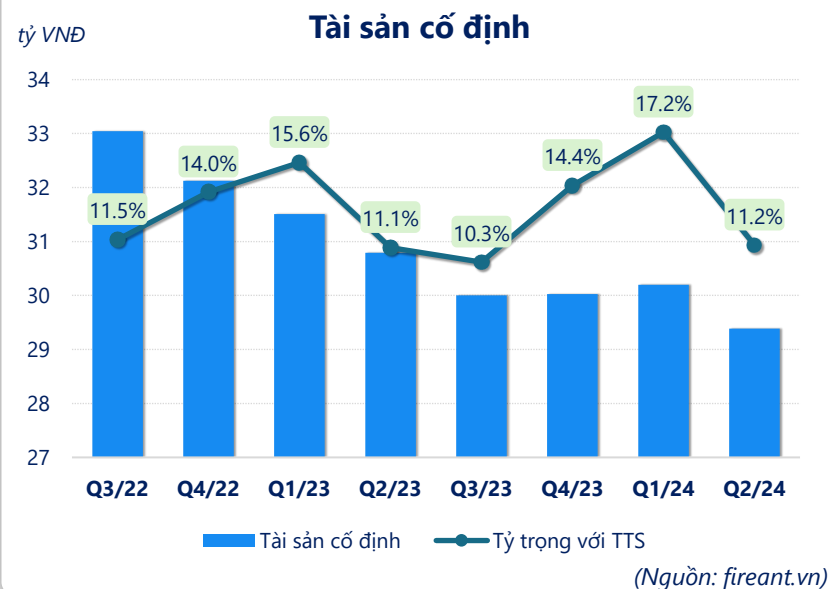
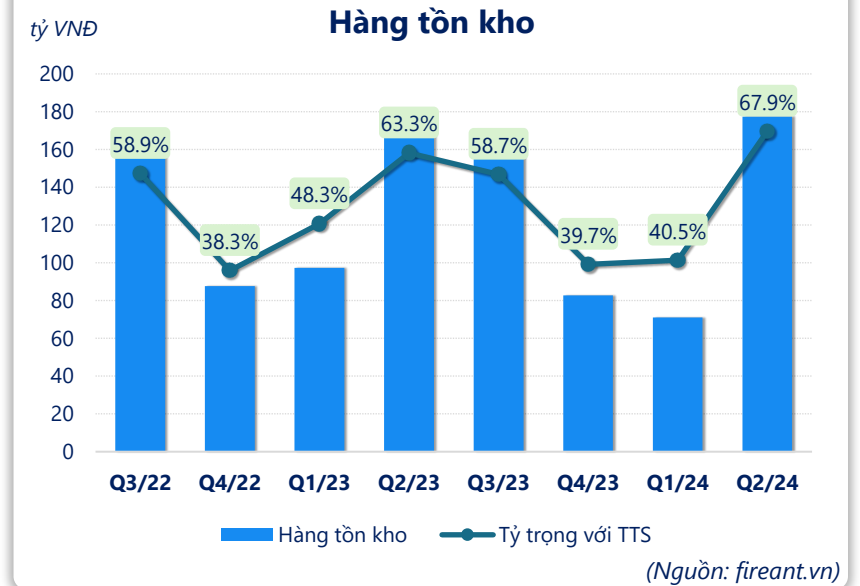
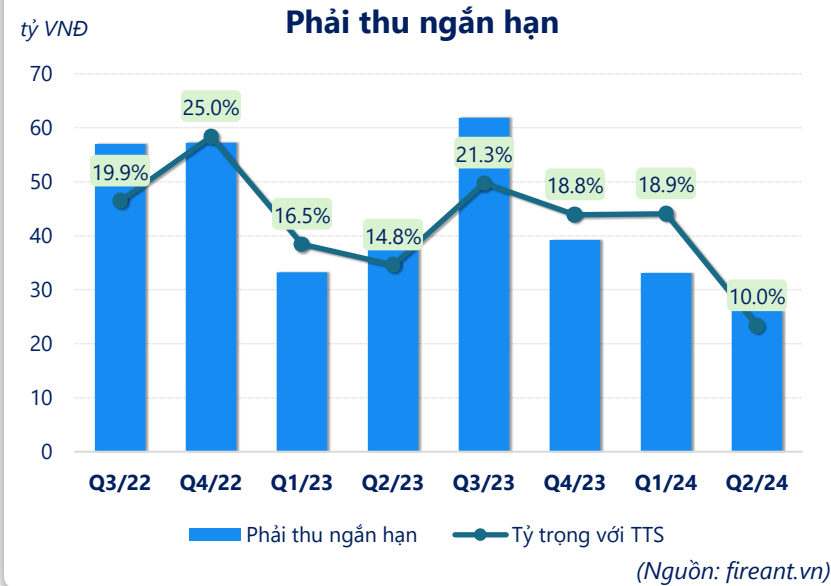
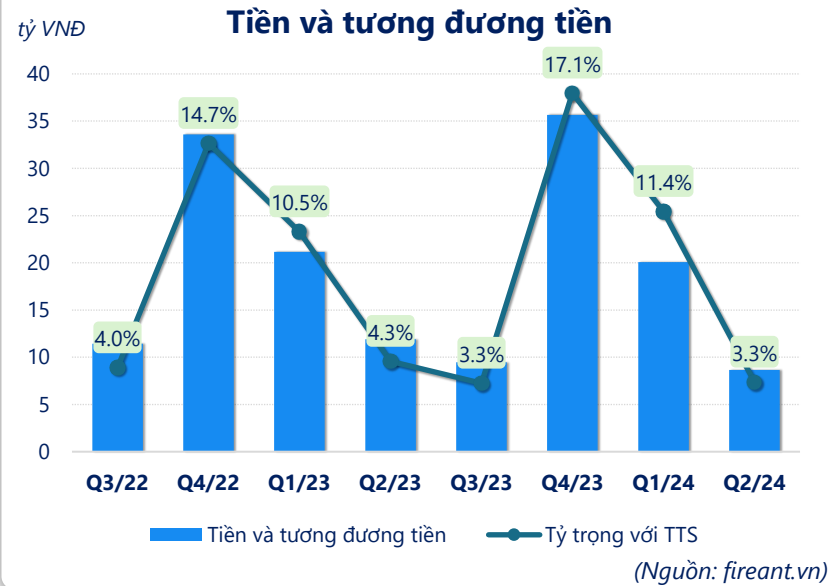
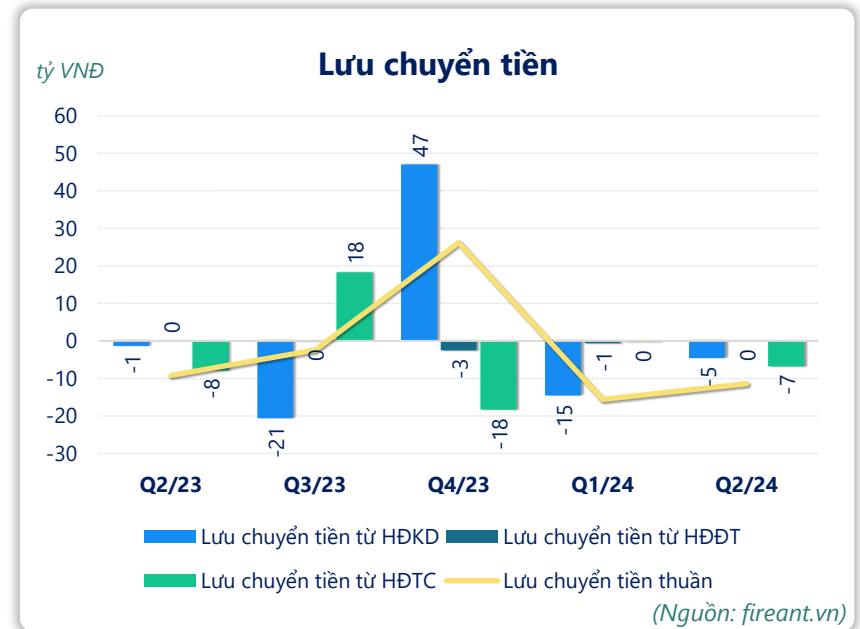
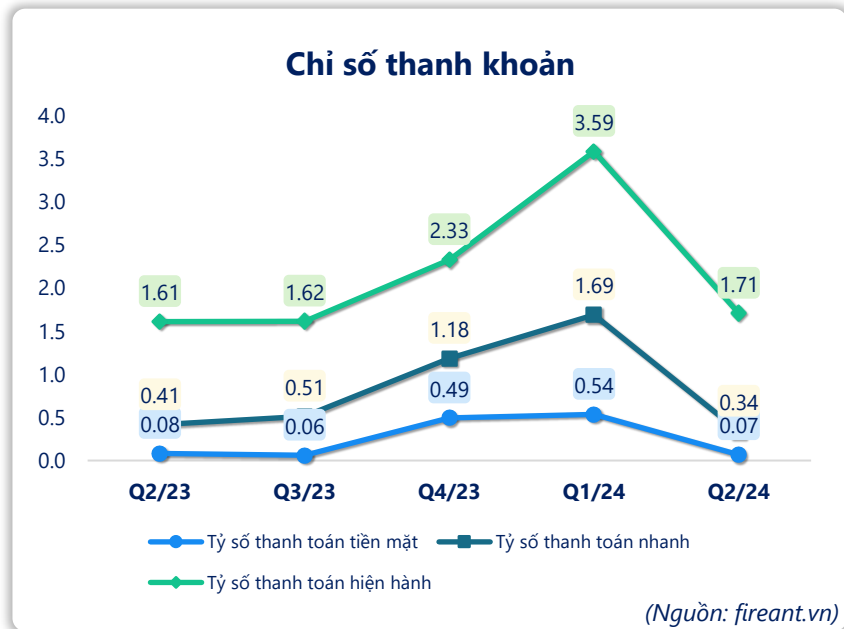
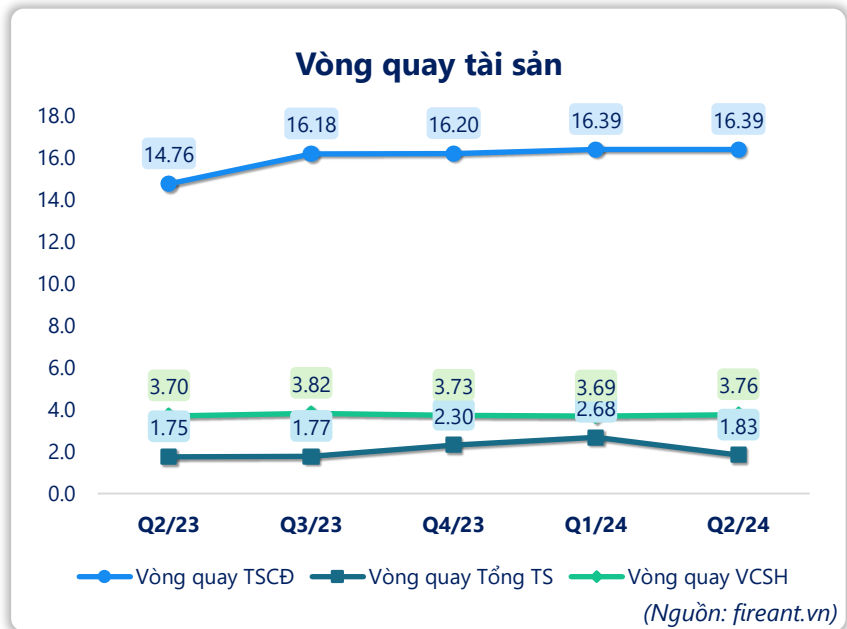
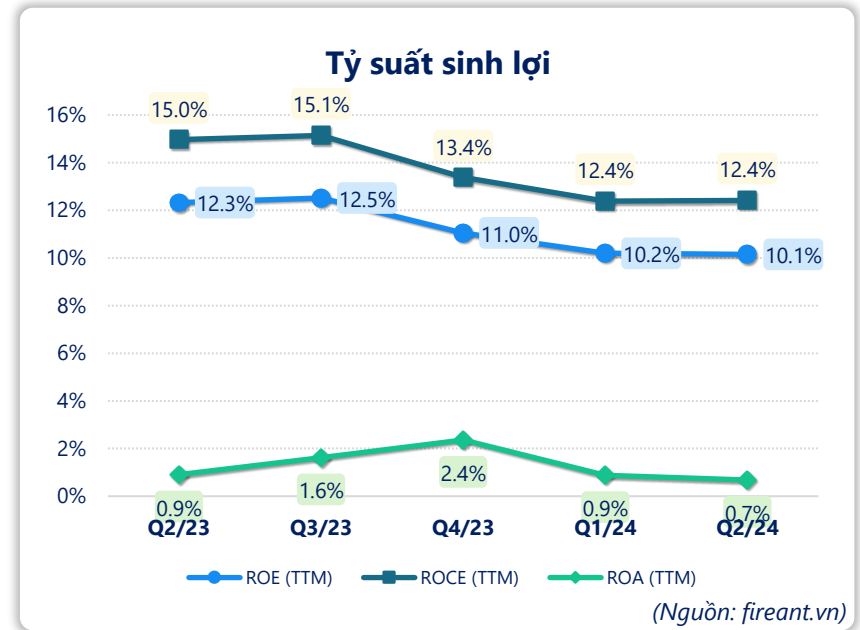
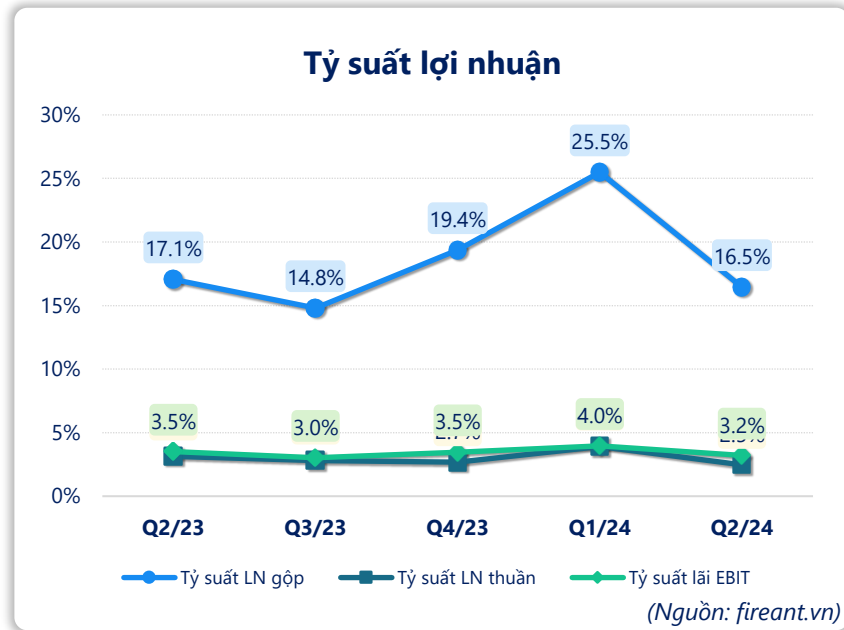
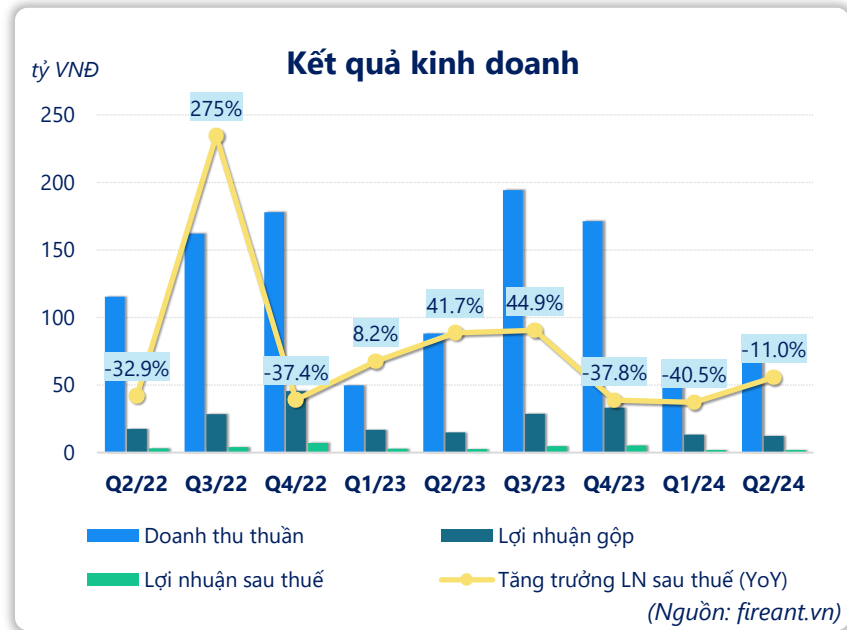


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		17,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,512
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,596
SL cổ phiếu LH		5,665,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,535
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		98
P/E		7.4
EPS		2,352

	YTD	1T	3T	6T
STC	-3.4%	0.0%	1.2%	-3.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	262	209	25.3%
Tài sản ngắn hạn	222	168	31.5%
Tiền và tương đương tiền	8.65	35.6	-75.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.30	8.11	2.3%
Phải thu ngắn hạn	26.1	39.2	-33.4%
Hàng tồn kho	177	82.8	114%
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	2.63	-64.4%
Tài sản dài hạn	40.0	40.3	-0.7%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	29.4	30.2	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.48	0.44	7.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.49	0.49	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.62	9.13	5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	130	72.4	79.2%
Nợ ngắn hạn	130	72.3	79.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.15	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	105	24.6	329%
Nợ dài hạn	0	0.08	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	132	136	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	132	136	-3.3%
Vốn điều lệ	56.7	56.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	88.0	194	171	52.1	75.6
Giá vốn hàng bán	73.0	165	138	38.8	63.2
Lợi nhuận gộp	15.0	28.8	33.2	13.3	12.4
Doanh thu HĐTC	0.43	0.01	0.60	0.14	0.32
Chi phí TC	0.00	0.18	0.15	0	0.00
Chi phí lãi vay	0	0.18	0.15	0	0.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.61	13.3	16.0	4.45	5.44
Chi phí QLDN	8.09	9.85	13.0	6.95	5.45
LN thuần từ HĐKD	2.75	5.46	4.59	2.04	1.87
Lợi nhuận khác	0.34	0.24	1.20	0.03	0.55
LN trước thuế	3.09	5.70	5.78	2.06	2.42
Lợi nhuận sau thuế	2.56	4.82	5.32	1.84	1.94
LNST của CĐ cty mẹ	2.47	4.68	5.16	1.66	1.83

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.32	-20.6	47.0	-14.6	-4.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	-0.13	-2.54	-0.65	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.93	18.3	-18.3	-0.35	-6.78
Tiền đầu kỳ	21.1	11.9	9.46	35.6	20.1
Lưu chuyển tiền thuần	-9.22	-2.46	26.2	-15.6	-11.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	11.9	9.46	35.6	20.1	8.65

(Nguồn: fireant.vn)